TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **81/**2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11-8-2022
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trí Chấn

2. Ông Trương Văn Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Trần Phương Thảo– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Phấn – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 188/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thị Tuyết T, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Huỳnh Mẫn Đạt, phường A, quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: ấp C, xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

2. Bị đơn: Anh Lê Văn P, sinh năm 1984;

Địa chỉ: ấp C, xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Bến

(Chị T có mặt, anh P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các biên bản làm việc trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết T trình bày:

Chị và anh P chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Sau khi kết hôn chị và anh Phúc sống tại xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, trong quá trình chung sống vợ chồng có hạnh phúc đến năm 2021 thì cuộc sống vợ chồng hay cải vã do chồng chị thường hay nhậu, cờ bạc dẫn đến mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn.

Cũng từ những lý do trên chị nhận thấy không thể chung sống với anh P được nữa nên yêu cầu tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn P.

Về con chung: Chị và anh P không có con chung.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn P trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tống đạt, niêm yết thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh P đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của anh P.

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến: Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 02/2000/NQ – HĐTP ngày 23/8/2000.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Tuyết T. Chị T được ly hôn đối với anh Lê Văn P.

Về con chung và nợ chung: Không có nên không xem xét. Tài sản chung: tự thỏa thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị T có đơn yêu cầu xin được ly hôn với anh Lê Văn P. Bị đơn anh P hiện đang đăng ký thường trú tại xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Anh Lê Văn P được Tòa án triệu tập lần thứ hai để đưa vụ án ra xét xử nhưng anh P vẫn vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh P chung sống với nhau vào năm 2019 trên tinh thần tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre là phù hợp với quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị T và anh P lúc đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị T trình bày vợ chồng thường xuyên cải vã do anh P thường hay uống rượu, cờ bạc từ những lý do nêu trên chị T nhận thấy tình thương và hạnh phúc giữa chị với anh P không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn P.

Quá trình xác minh và làm việc đối với bà Phạm Thị A thì bà xác nhận: Trước khi P và T chung sống với nhau hai bên đều đã có vợ và chồng nhưng đã ly hôn, khi T về chung sống thì P đã có nhà riêng và ở riêng với bà, hai vợ chồng P và T sống chung với nhau bà thấy có hạnh phúc, về nguyên nhân mâu thuẫn theo bà nghe nói lại P có đánh T do ghen, không cho T đi làm cũng từ nguyên nhân này T đã bỏ nhà ra đi từ sau tết năm 2022 cho đến nay. Còn P và T sống chung hay ly hôn thì tùy hai con quyết quyết định.

Tòa án tiến hành đến tại nơi ở của anh P nhưng không gặp được anh P nên không ghi nhận được lời khai của anh P, đồng thời Tòa án đã triệu tập anh P nhiều lần nhưng anh P cũng không đến Tòa để tiến hành hòa giải và công khai chứng cứ chứng tỏ rằng anh P không có thiện chí muốn hàn gắng tình cảm vợ chồng. Mặt khác chị T cho rằng vợ chồng không thể sống chung tiếp tục vì sống chung không có hạnh phúc, anh chị xảy ra mâu thuẫn và hay cải nhau, anh P cũng hay rượu chè, cờ bạc, hiện tại chị và anh P cũng đã sống ly thân, hai bên không còn qua lại tình cảm gì nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh P không thể tồn tại được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa chị T và anh P không đạt được. Vì vậy nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định.

[3] Về con chung: Theo chị T trình bày chị và anh P không có con chung, nên không xét đến.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

[5] Về nợ chung: Theo chị T trình bày là không có nợ chung, nên không xét đến.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 227, Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Tuyết T ly hôn với anh Lê Văn P.

2. Về con chung: Chị T và anh P không có con chung, nên không xét đến.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Không có nên không xét đến.

5. Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Số tiền án phí của chị T được trừ vào biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số 0006363 ngày 06/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã D.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký tên và đóng dấu

Nguyễn Quốc Tuấn